TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2019/QĐST-HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 31 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm 9, Nam C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Trọng H - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm 9, Nam C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Trọng H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***2.1. Về con chung (riêng)*:** Giao cháu Bùi Phương A, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Bùi Phương A trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh Bùi Trọng H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T; anh Bùi Trọng H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về con riêng Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Trọng H không ai có nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Trọng H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có nên chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001962 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung